

Điều 7. Phương thức hoạt động của Hội đồng

1. Hội đồng làm việc theo phương thức thảo luận, góp ý kiến và biểu quyết. Ý kiến được quá nửa số thành viên Hội đồng có mặt tại kỳ họp đồng ý được coi là khuyến nghị chung của Hội đồng; đồng thời các ý kiến khác cũng phải được ghi nhận đầy đủ trong biên bản của kỳ họp Hội đồng.

2. Hội đồng có thể thành lập các tổ công tác theo lĩnh vực khoa học và công nghệ để thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể do Chủ tịch Hội đồng giao. Các tổ công tác do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

3. Các khuyến nghị và biên bản các kỳ họp của Hội đồng được chuyển đầy đủ đến Thủ tướng Chính phủ có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng và Thư ký của kỳ họp.

4. Văn phòng Hội đồng gửi tài liệu xin ý kiến các thành viên Hội đồng theo sự chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng.

Điều 8. Quan hệ làm việc của Hội đồng

1. Hội đồng chính sách khoa học và công nghệ là cơ quan tư vấn của Thủ tướng Chính phủ, trong hoạt động của mình Hội đồng phối hợp chặt chẽ với Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan quản lý nhà nước khác về những vấn đề có tầm quốc gia liên quan đến lĩnh vực phát triển khoa học và công nghệ, đặc biệt tác động đến sự phát triển của nền kinh tế quốc dân.

2. Hội đồng có con dấu riêng và có tài khoản tại Kho bạc, Ngân hàng Nhà nước.

3. Kinh phí hoạt động của Hội đồng được ngân sách nhà nước cấp qua Bộ Khoa học và Công nghệ.

*Chương III***ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 9. Trách nhiệm thi hành**

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Chủ tịch Hội đồng chính sách khoa học và công nghệ quốc

gia đề nghị, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 1078/1997/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng chính sách khoa học và công nghệ quốc gia./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

**KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ -
NỘI VỤ**

THÔNG TƯ liên tịch số 15/2003/TTLT-BKH-CN-BNV ngày 15/7/2003 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ ở địa phương.

Căn cứ Nghị định số 54/2003/NĐ-CP ngày 19

tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 45/2003/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 45/2003/QĐ-TTg ngày 02 tháng 4 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường, đổi tên Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường thành Sở Khoa học và Công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Liên bộ Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ ở địa phương như sau:

I. SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Vị trí và chức năng

Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (dưới đây gọi là tỉnh) giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khoa học và công nghệ, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội; tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm; sở hữu trí tuệ (không bao gồm quyền tác giả về văn học, nghệ thuật và nhãn hiệu hàng hóa); an toàn bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

Sở Khoa học và Công nghệ chịu sự quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn

2.1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các quyết định, chỉ thị về quản lý và hoạt động khoa học và công nghệ, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

2.2. Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định quy hoạch, kế hoạch 5 năm, hàng năm và nhiệm vụ về khoa học và công nghệ, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân phù hợp với phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

2.3. Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và quy hoạch, kế hoạch, nhiệm vụ nêu tại điểm 2.2 khoản 2 Mục I sau khi được phê duyệt; theo dõi, kiểm tra, tổ chức đánh giá việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, nhiệm vụ đó; tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về hoạt động khoa học và công nghệ, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân;

2.4. Về hoạt động khoa học và công nghệ

a) Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống;

b) Tổ chức tuyển chọn và phê duyệt các cá nhân, tổ chức chủ trì thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Theo dõi, kiểm tra thực hiện, tổ chức đánh giá nghiệm thu và công bố kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

c) Hướng dẫn các sở, ban, ngành, các tổ chức khoa học và công nghệ của địa phương về hoạt động khoa học và công nghệ; phối hợp với các sở, ban, ngành, các tổ chức khoa học và công nghệ

xây dựng và đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp nhà nước có tính liên ngành, liên vùng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và tổng hợp trình cơ quan có thẩm quyền xem xét;

d) Quản lý các hoạt động đánh giá, thẩm định, giám định, tư vấn và chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật; thẩm định, giám định về công nghệ đối với các dự án đầu tư trong tỉnh theo phân cấp; theo dõi, tổng hợp và hướng dẫn việc đánh giá trình độ công nghệ của các tổ chức kinh tế trong tỉnh; tổ chức đánh giá trình độ công nghệ của tỉnh;

d) Cấp giấy chứng nhận đăng ký và kiểm tra hoạt động khoa học và công nghệ các tổ chức nghiên cứu và phát triển, tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ thuộc các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

e) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học và công nghệ tại địa phương và quyết định hỗ trợ cho các tổ chức kinh tế, cá nhân trong việc ứng dụng công nghệ, kỹ thuật mới vào sản xuất và đời sống;

g) Phối hợp với Sở Tài chính - Vật giá, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự toán ngân sách hàng năm cho lĩnh vực khoa học và công nghệ của tỉnh và các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và đặc thù của hoạt động khoa học và công nghệ của địa phương theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của các cơ quan chức năng; quyết định thành lập và quy định cơ chế quản lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh theo quy định của pháp luật;

h) Phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát

triển, chính sách, cơ chế quản lý và sử dụng hiệu quả tiềm lực khoa học và công nghệ của tỉnh, bao gồm: khuyến khích, thu hút nhân lực khoa học và công nghệ; đào tạo bồi dưỡng hàng năm cho cán bộ khoa học và công nghệ; xây dựng, tổ chức hoạt động của các phòng thí nghiệm theo chức năng của Sở; đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị cho hoạt động khoa học và công nghệ; thông tin tư liệu khoa học và công nghệ;

i) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập các hội đồng tư vấn theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ; thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực của Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh.

2.5. Về tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm

a) Hướng dẫn việc áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành, tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế và các tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng theo yêu cầu quản lý của Nhà nước đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở;

b) Tổ chức và quản lý mạng lưới kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo lường đáp ứng yêu cầu của tỉnh. Thực hiện việc kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo lường trong các lĩnh vực và phạm vi được công nhận;

c) Tổ chức, quản lý, hướng dẫn việc công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, công bố các hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn theo phân công, phân cấp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh;

2.6. Về sở hữu trí tuệ (không bao gồm quyền tác giả về văn học, nghệ thuật và nhãn hiệu hàng hóa)

a) Tổ chức thực hiện các biện pháp phát triển hoạt động sở hữu trí tuệ, thúc đẩy phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất. Theo dõi, tổng hợp và tuyên truyền phổ biến các tiến bộ kỹ thuật, các sáng kiến của các tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh;

b) Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nhà nước, tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

2.7. Về an toàn bức xạ và hạt nhân

a) Tổ chức thẩm định an toàn bức xạ và cấp giấy phép sử dụng thiết bị phát tia X dùng trong y tế theo quy định của pháp luật;

b) Chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức khai báo, thống kê, báo cáo định kỳ các nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ, chất thải phóng xạ và các hoạt động bức xạ tại địa phương theo quy định của pháp luật;

c) Xây dựng kế hoạch phòng, chống, khắc phục sự cố bức xạ và hạt nhân tại địa phương. Hướng dẫn các cơ sở bức xạ và hạt nhân xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống, khắc phục hậu quả sự cố bức xạ và hạt nhân;

2.8. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân;

2.9. Thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm pháp luật về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân theo quy định của pháp luật.

2.10. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý của Sở theo quy định của pháp luật;

2.11. Thống kê khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ;

2.12. Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước các hoạt động của Hội và tổ chức phi Chính phủ trong lĩnh vực quản lý của Sở theo quy định của pháp luật;

2.13. Thực hiện báo cáo định kỳ 6 tháng, năm và báo cáo đột xuất về tình hình quản lý và hoạt động khoa học và công nghệ với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

2.14. Quản lý tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Sở theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh;

2.15. Quản lý tài chính, tài sản của Sở theo sự phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật;

2.16. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Cơ cấu tổ chức và biên chế

3.1. Lãnh đạo Sở

Sở Khoa học và Công nghệ có Giám đốc và không quá 03 Phó giám đốc. Giám đốc là người đứng đầu Sở, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về các hoạt động của Sở. Phó giám đốc là người giúp Giám đốc phụ trách một hoặc một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về nhiệm vụ được phân công.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức Giám đốc và Phó giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo tiêu chuẩn chức danh và quy trình quy định của Đảng và Nhà nước.

Việc khen thưởng, kỷ luật Giám đốc và Phó giám đốc Sở thực hiện theo quy định của pháp luật.

3.2. Các tổ chức giúp việc Giám đốc Sở gồm:

- Văn phòng;
- Thanh tra;
- Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;
- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ.

Căn cứ vào khối lượng công việc và tính chất, đặc điểm công tác khoa học và công nghệ cụ thể của địa phương, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Trưởng ban Ban Tổ chức chính quyền tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, nhưng không quá 03 phòng. Đối với các thành phố trực thuộc Trung ương không quá 05 phòng chuyên môn, nghiệp vụ.

3.3. Các đơn vị sự nghiệp:

- Trung tâm Tin học và thông tin khoa học - công nghệ;
- Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ;
- Các đơn vị sự nghiệp khác.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập các đơn vị sự nghiệp khác trực thuộc Sở theo quy định của pháp luật.

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trực thuộc Sở.

3.4. Biên chế của Sở

Căn cứ vào khối lượng công việc và tính chất, đặc điểm công tác khoa học và công nghệ cụ thể của địa phương, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Trưởng ban Ban Tổ chức chính quyền tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định số lượng biên chế của Sở.

Việc bố trí cán bộ, công chức, viên chức của Sở phải căn cứ chức danh, tiêu chuẩn ngạch công chức, viên chức nhà nước theo quy định của pháp luật.

II. CƠ QUAN CHUYÊN MÔN GIÚP ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Nhiệm vụ

1.1. Tổ chức phổ biến và thực hiện các văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách của nhà nước về hoạt động khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân trên địa bàn huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (dưới đây gọi là huyện);

1.2. Phổ biến, tuyên truyền và tổ chức ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ ở địa phương, xây dựng và phát triển phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong sản xuất và đời sống, phổ cập kiến thức khoa học và công nghệ trên địa bàn huyện;

1.3. Xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; lựa chọn các tiến bộ khoa học và công nghệ, các kết quả nghiên cứu khoa học và các sáng kiến cải tiến kỹ thuật để áp dụng vào sản xuất và đời sống phù hợp với điều kiện của huyện;

1.4. Phối hợp với các tổ chức, cơ quan chuyên môn tổ chức thực hiện các dịch vụ khoa học và công nghệ phục vụ nhu cầu phát triển sản xuất và nâng cao đời sống của nhân dân trên địa bàn huyện;

1.5. Quản lý công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ;

1.6. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện thành lập các Hội đồng tư vấn theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ; thực hiện nhiệm vụ Thường trực Hội đồng khoa học và công nghệ huyện;

1.7. Thực hiện thống kê, thông tin khoa học và công nghệ theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ;

1.8. Phối hợp với Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ thanh tra đối với các tổ chức và cá nhân trong việc chấp hành chính sách, pháp luật về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân trên địa bàn huyện;

1.9. Thực hiện báo cáo định kỳ 6 tháng, năm và đột xuất về tình hình hoạt động khoa học và công nghệ với Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Tổ chức và biên chế

Căn cứ đặc điểm, tình hình địa phương, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Trưởng ban Ban Tổ chức chính quyền tỉnh xây dựng phương án để trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hình thức tổ chức cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật và bố trí cán bộ, công chức chuyên trách thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trên địa bàn huyện.

III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư liên tịch này thay thế Thông tư liên tịch số 05/2002/TTLT-BKHCNMT-BTCCBCP ngày 07 tháng 3 năm 2002 của liên Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) và Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ) và có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Thông tư này quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức, biên chế của Sở Khoa học và Công nghệ và của cơ quan quản lý khoa học và công nghệ cấp huyện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc có khó khăn, vướng mắc cần phản ánh

kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nội vụ nghiên cứu, giải quyết./.

Bộ trưởng Bộ Khoa học
và Công nghệ

HOÀNG VĂN PHONG

Bộ trưởng Bộ Nội vụ

ĐỖ QUANG TRUNG

TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG -
NỘI VỤ

THÔNG TƯ liên tịch số 01/2003/TTLT-BTNMT-BNV ngày 15/7/2003 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường ở địa phương.

Căn cứ Nghị định số 91/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 45/2003/NĐ-CP ngày 09/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 45/2003/QĐ-TTg ngày 02 tháng 4 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường, đổi

09640124